TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày: 26-02-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng VNTV (Công ty).

Địa chỉ: Tầng x, Toà nhà R, số y, ĐVB, Phường xy, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng Giang, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Giang: Ông Lê Hiền Thảo – Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm Thu hồi nợ - Khối quản trị rủi ro – Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng VNTV.

(Văn bản ủy quyền số 14/UQ-QTRR.17 ngày 22/3/2017)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thảo: Bà Vỏ Thị Ngọc N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp xB, xã TP, huyện BL, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền số 79/UQTA-QTRR.17 ngày 10/11/2017).

Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp x, xã MY, huyện BL, tỉnh Long An.

(Bà N có mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14-11-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng VNTV do bà Vỏ Thị Ngọc N đại diện trình bày:

Ngày 08-7-2015, ông Phan Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 0552049 để vay của Công ty số tiền 31.650.000 đồng, lãi suất là 3,75%/tháng, để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, ông T có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền gốc và lãi tổng cộng là 49.370.000 đồng, theo phương thức trả góp trong thời hạn 24 tháng; từ tháng đầu đến tháng thứ 23 mỗi tháng trả 2.024.000 đồng và tháng cuối cùng trả 2.818.000 đồng; thời gian bắt đầu trả nợ là ngày 01-9-2015 và kết thúc trả nợ vào ngày 01-8-2017. Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền vay và đã trả cho Công ty được 06 kỳ (tháng) với tổng số tiền là 20.264.000 đồng. Kể từ ngày 12-3-2017, ông T không tiếp tục trả nợ mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở việc trả nợ.

Công ty khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ gốc và lãi tổng cộng là 29.106.000 đồng; trong đó, tiền nợ gốc còn lại là 18.464.178 đồng, tiền lãi là 10.641.822 đồng. Công ty không yêu cầu ông T tiếp tục trả lãi.

Bị đơn ông Phan Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện Công ty khởi kiện yêu cầu trả nợ, nhưng ông T vắng mặt không lý do và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Toà án đã thông báo các phiên hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hoà giải được và Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, bà N đại diện Công ty giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không yêu cầu ông T tiếp tục trả lãi. Bị đơn ông T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn T trả số tiền gốc và lãi là 29.106.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0552049 ngày 08-7-2015. Căn cứ các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, Toà án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Phan Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo

điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông T.

[3] Nguyên đơn Công ty yêu cầu ông T trả nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 29.106.000 đồng. Bị đơn ông T vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xem xét hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không bổ sung chứng cứ mới theo quy định tại khoản 4 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, để làm căn cứ xét xử vụ án.

[5] Hợp đồng tín dụng số 0552049 ngày 08-7-2015 giữa Công ty với ông T được xác lập theo ý chí tự nguyện của các bên; mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 401, 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[6] Theo thoả thuận, ông T có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Công ty tổng cộng là 49.370.000 đồng, theo phương thức trả góp trong thời hạn 24 tháng; từ tháng đầu đến tháng thứ 23 mỗi tháng trả 2.024.000 đồng và tháng cuối cùng trả 2.818.000 đồng; thời gian bắt đầu trả nợ là ngày 01-9-2015 và thời điểm kết thúc trả nợ là ngày 01-8-2017, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T chỉ trả cho Công ty được 06 tháng, tổng cộng là 20.264.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng nên Công ty yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tổng cộng là 29.106.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc còn lại là 18.464.178 đồng, tiền lãi là 10.641.822 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Công ty không yêu cầu ông T tiếp tục trả lãi chậm trả là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Công ty được trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng VNTV đối với ông Phan Văn T.

Buộc ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng VNTV số tiền gốc và lãi tổng cộng là 29.106.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 18.464.178 đồng, tiền lãi là 10.641.822 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng VNTV không yêu cầu ông T trả lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng số 0552049 ngày 08-7-2015. Ông T không có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Thương mại Cổ phần VNTV.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phan Văn T phải chịu 1.455.300 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng VNTV tiền tạm ứng án phí đã nộp là 728.250 đồng theo biên lai thu số 0005943 ngày 30-11-2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Lưu HS, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phương